

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/01/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đoàn Trung Phước**

- **Các hội thẩm nhân dân:** Bà **Nguyễn Thị Như**; Ông **Lò Văn Lâm**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lò Văn Sơn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị H** - Kiểm sát viên

Ngày 20/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST- HNGĐ, ngày 09/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Đèo Văn H1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày: Chị và anh Đèo Văn H1 tự nguyện tìm hiểu rồi về chung sống với nhau từ đầu năm 2011 và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Chị và anh H1 về chung sống và đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Trong quá trình chung sống chị và anh H1 chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Hồng S vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy chị khuyên ngăn thì anh H1 chửi bới chị từ đó do hai vợ chồng anh, chị không hợp nhau hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm. Sau khi xảy ra mâu thuẫn chị và anh H1 đã tự tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình, người thân động viên hòa giải

nhưng cũng không có kết quả gì. Chị và anh H1 cũng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Vì vậy chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đèo Văn H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai con chung gồm: Đèo Thị Ánh N, sinh ngày 22/5/2011 và Đèo Thị Như N1, sinh ngày 01/06/2013. Sau khi ly, hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh Đèo Văn H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đèo Văn H1, sau khi thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng. Tất cả các văn bản tố tụng, bị đơn đều nhận trực tiếp và đầy đủ. Giấy triệu tập số 02/GTT-TA ngày 09/10/2024 triệu tập bị đơn Đèo Văn H1 tham gia tố tụng vào 08 giờ 30 phút ngày 16/10/2024, bị đơn nhận Giấy triệu tập, tuy nhiên vắng mặt tại buổi làm việc mà không rõ lý do.

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 04/TB-TA ngày 01/11/2024 ấn định thời gian mở phiên họp. Đến thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 08/11/2024, tiến hành tổng đạt trực tiếp, bị đơn nhận Thông báo số 04/TB-TA tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên họp, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được cấp, tổng đạt trực tiếp, kịp thời các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc để tham gia tố tụng. Trên cơ sở đó, Tòa án đã lập các biên bản vắng mặt bị đơn.

Lời khai các con chung:

Con chung Đèo Thị Ánh N, sinh ngày 22/5/2011 khai:

Cháu là con chung của mẹ Lò Thị H và bố Đèo Văn H1, hiện cháu đang học lớp 8 Trường THCS xã T, huyện T, hiện cháu đang ở với bố Đèo Văn H1, cháu không có tài sản riêng, nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố vì trong thời gian bố mẹ cháu sống ly thân, bố luôn quan tâm, chăm sóc cháu, mẹ cháu có quan tâm cháu nhưng hiện tại mẹ đã có em gái Đèo Thị Như N1 ở cùng.

Con chung Đèo Thị Như N1, sinh ngày 01/6/2013 khai: Cháu là con chung của mẹ Lò Thị H và bố Đèo Văn H1, hiện cháu đang học lớp 6 Trường THCS xã T, huyện T, hiện cháu đang ở với mẹ Lò Thị H, cháu không có tài sản riêng, nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì trong thời gian bố mẹ cháu sống ly thân, mẹ luôn quan tâm, chăm sóc cháu, bố cháu hiện tại mẹ đã có chị gái Đèo Thị Ánh N ở cùng.

Biên bản xác minh ngày 25/10/2024, ông Đèo Văn K – Trưởng bản Lun 1, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Đèo Văn H1 về sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thấy anh chị thường xuyên xảy ra mâu

thuần, cãi vã, một thời gian sau thì anh H1 vi phạm pháp luật về hành vi Cướp giật tài sản, năm 2019 anh H1 chấp hành án xong trở về địa phương. Được một thời gian sau thì anh H1 tái nghiện, vợ chồng anh chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, do chị H không chịu được nên năm 2022 anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, hiện không còn sống chung với nhau.

Về việc chấp hành pháp luật: Anh H1 là đối tượng nghiện chất ma túy, đang thuộc diện theo dõi.

Biên bản xác minh ngày 28/10/2024, ông Vừ A S1 - Công chức văn phòng thống kê xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin về thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã T, huyện T tại thời điểm xác minh là 45.456.000 đồng/người/năm tương đương 3.788.000 đồng/người/tháng.

Biên bản xác minh ngày 25/10/2024, bà Đèo Thị B, sinh năm 1964 là mẹ đẻ của anh Đèo Văn H1 cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân giữa anh Đèo Văn H1, chị Lò Thị H như sau: Chị Lò Thị H và anh Đèo Văn H1 về sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, sau khi kết hôn vợ chồng anh H1, chị H ra ở riêng. Trong quá trình chung sống, anh H1, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 nghiện chất ma túy, thường xuyên chửi bới chị H, đến năm 2014 anh H1 vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án, đến năm 2019 chấp hành án xong trở về nhưng không thay đổi được bản thân, vẫn sa vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy, không chịu khó làm ăn. Chị H không chịu được nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 16/01/2025, tổng đạt trực tiếp cho bị đơn, tuy nhiên đến thời điểm mở phiên tòa, bị đơn Đèo Văn H1 vắng mặt không rõ lý do.

Như vậy, Tòa án đã làm đầy đủ những thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đèo Văn H1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn, mặc dù có mặt tại nơi cư trú nhưng bị đơn Đèo Văn H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận ý kiến, quan điểm của anh Đèo Văn H1 về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Lò Thị H có đơn xin vắng mặt, bị đơn Đèo Văn H1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù có mặt tại nơi cư trú và được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng không chấp

hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không phối hợp với Toà án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Lò Thị H được ly hôn với bị đơn Đèo Văn H1.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên là Đèo Thị Ánh N, sinh ngày 22/5/2011 và Đèo Thị Như N1, sinh ngày 01/6/2013. Nguyên vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Đồng thời không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu Đèo Thị Như N1 sinh ngày 01/6/2013, đang học lớp 6 tại trường THCS xã T. Trong thời gian anh chị Hợp Hờng ly thân, cháu N1 hiện đang ở cháu N1 có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ. Cháu Đèo Thị Ánh N: Sinh ngày 22/5/2011, học lớp 8, trường THCS xã T. Hiện cháu đang ở cùng bố. Bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sẽ được sống chung cùng bố. Xét trên nguyện vọng của các con chung. Xét mức thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã T, huyện T tại thời điểm Toà án xác minh là 45.456.000 đồng/người/năm. Đồng thời, để đảm bảo điều kiện cho các con chung phát triển đầy đủ và tốt nhất, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con chung. Ngoài ra, để các đưong sự đều có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con chung thì đề nghị HĐXX giao cháu Đèo Thị Như N1 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Đèo Thị Ánh N cho anh Đèo Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Cả 02 anh chị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, cho vay chung: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H, sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 – 2025, do đó đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản Lun 1, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn Đèo Văn H1 không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại 02 phiên tòa không rõ lý do mặc dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tổng đạt trực tiếp, hợp lệ cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228/Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được quy định tại khoản 4 Điều 207/Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Đèo Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh H1 chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, theo lời khai của bà Đèo Thị B là mẹ đẻ của anh H1 và T bản Lun 1, xã T, huyện T, thì anh H1 là đối tượng nghiện chất ma tuý, đã từng bị kết án về tội Cướp giật tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù vẫn không tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn bị nghiện chất ma tuý và là đối tượng bị theo dõi của địa phương. Tại thời điểm giải quyết vụ án, chị H đã sống ly thân với anh H1 được gần 03 năm. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh H1, chị H không đạt được, chị H vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh H1, vì vậy HĐXX cần căn cứ vào Điều 39/Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Lò Thị H và anh Đèo Văn H1 có hai con chung chưa thành niên và còn sống phụ thuộc. Anh H1 trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù có mặt tại nơi cư trú nhưng không phối hợp, có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con khi ly hôn. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên xét về điều kiện thực tế của nguyên đơn là lao động tự do, một mình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là không thực sự đảm bảo. Căn cứ vào nguyện vọng của hai con chung (Con chung Đèo Thị Như N1 có nguyện vọng muốn ở cùng nguyên đơn Lò Thị H, con chung Đèo Thị Ánh N có nguyện vọng muốn ở cùng bị đơn Đèo Văn H1). Phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giao con chung. Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị H để giao con chung Đèo Thị Như N1 cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Đèo Thị Ánh N là phù hợp với điều kiện thực tế về thu nhập của cả nguyên đơn và bị đơn, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên sẽ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; Điều 39/Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lò Thị H được ly hôn với bị đơn Đèo Văn H1.
3. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên Đèo Thị Như N1, sinh ngày 01/6/2013 cho nguyên đơn Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung chưa thành niên Đèo Thị Ánh N, sinh ngày 22/5/2011 cho bị đơn anh Đèo Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Nguyên đơn, bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lò Thị H được miễn án phí DSST, chị H đã nộp 300.000^d tạm ứng án phí theo biên lai số 0001210, ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, nay 300.000^d đã nộp được trả lại cho chị H.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tn;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Tg, huyện Tn, Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Trung Phước

